

Họ, tên học sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 121

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến sức mua, nhu cầu dịch vụ ở nước ta hiện nay?

- A. Trình độ phát triển kinh tế. B. Quy mô và cơ cấu dân số.
C. Phân bố và mạng lưới dân cư. D. Mức sống và thu nhập thực tế.

Câu 2. Sự phân hoá lãnh thổ du lịch ở nước ta thể hiện rõ nhất ở

- A. tài nguyên du lịch chỉ phân bố ở đô thị lớn.
B. mỗi địa phương chỉ có một loại hình du lịch.
C. tất cả các tỉnh đều có khu du lịch quốc gia.
D. sự khác nhau về số lượng và quy mô điểm, khu du lịch giữa các vùng.

Câu 3. Hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng không phải là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.
B. thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.
C. chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lụt.
D. lao động ít, trình độ của lực lượng lao động thấp.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật của ngành viễn thông nước ta hiện nay là

- A. mạng lưới nhìn chung còn lạc hậu. B. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.
C. về cơ bản đã phủ kín ở các vùng. D. phong phú đa dạng về loại hình.

Câu 5. Công nghiệp khai thác dầu khí của nước ta phân bố nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi phía Bắc. B. Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp sản xuất điện tử, máy vi tính?

- A. Sử dụng lực lượng lao động đông đảo. B. Sử dụng nguồn nguyên, nhiên liệu lớn.
C. Cần lao động trẻ, trình độ chuyên môn D. Cần một không gian sản xuất rộng lớn.

Câu 7. Nội thương của nước ta hiện nay

- A. phát triển đồng đều giữa các vùng. B. hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm.
C. có thị trường chính ở các vùng núi. D. có các mặt hàng trao đổi đa dạng.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng với xu hướng phát triển các khu công nghiệp ở nước ta?

- A. Giảm sự phụ thuộc vào vốn đầu tư. B. Phát triển khu công nghiệp sinh thái.
C. Phân bố đồng đều hơn giữa các vùng. D. Phát triển cách xa các khu đô thị lớn.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ vùng Trung du và miền núi phía Bắc?

- A. Giáp vùng biển giàu tiềm năng. B. Gồm có số tỉnh nhiều nhất.
C. Giáp với Đồng bằng sông Hồng. D. Có biên giới với Trung Quốc và Lào.

Câu 10. Công nghiệp sản xuất giấy, dệt của nước ta phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại, vốn đầu tư lớn. B. Lao động đông, thị trường tiêu thụ lớn.
C. Lao động đông, cơ sở vật chất hiện đại. D. Nguồn vốn đầu tư lớn, thị trường rộng.

Câu 11. Vai trò của dịch vụ đối với sự phát triển xã hội là

- A. giúp khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên.
B. tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

C. thúc đẩy phát triển công nghiệp và nông nghiệp.

D. góp phần tạo ra các cảnh quan văn hoá hấp dẫn.

Câu 12. Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi phía Bắc trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có

A. nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng.

B. khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.

C. lao động có truyền thống, kinh nghiệm.

D. đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về vị trí địa lí của Đồng bằng sông Hồng?

A. Giáp Trung du và miền núi phía Bắc.

B. Giáp Bắc Trung Bộ.

C. Giáp Nam Trung Bộ.

D. Giáp vịnh Bắc Bộ.

Câu 14. Một địa điểm có tài nguyên du lịch, ranh giới xác định, có dịch vụ phục vụ khách tham quan nhưng chưa được quy hoạch tổng thể quy mô lớn được gọi là

A. vùng du lịch.

B. điểm du lịch.

C. khu du lịch quốc gia.

D. trung tâm du lịch.

Câu 15. Việc hình thành các khu công nghệ cao có tác động chủ yếu đến hàng hóa công nghiệp là

A. tăng nhanh về sản lượng.

B. hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu.

C. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

D. nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh.

Câu 16. Tuyến đường sắt nào sau đây dài nhất nước ta?

A. Thống Nhất.

B. Hà Nội - Hải Phòng.

C. Hà Nội - Lạng Sơn.

D. Hà Nội - Lào Cai.

Câu 17. Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến việc đầu tư bổ sung cho ngành dịch vụ?

A. Quy mô và cơ cấu dân số.

B. Mức sống và thu nhập thực tế.

C. Trình độ phát triển kinh tế.

D. Phân bố và mạng lưới dân cư.

Câu 18. Công nghiệp chế biến thủy hải sản của nước ta phân bố nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi phía Bắc.

D. Bắc Trung Bộ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đến năm 2025, Việt Nam có 23 cảng hàng không, trong đó có 12 cảng quốc tế. Các cảng hàng không: Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất là cửa ngõ quốc tế và đầu mối vận tải hàng không lớn của nước ta. Các tuyến đường bay nội địa ngày càng được mở rộng. Một số tuyến đường bay quốc tế quan trọng là Hà Nội - Tô-ky-ô, Đà Nẵng - Hồng Kông, Thành phố Hồ Chí Minh - Lót An-giơ-lét,... Việt Nam đã thiết lập những chuyến bay thẳng đi Bắc Mỹ, châu Âu, châu Phi.

a) Do giá cước vận tải cao hơn các loại hình giao thông khác nên vận tải nội địa không phát triển, chủ yếu vận tải quốc tế.

b) Số lượng sân bay và phương tiện tăng nhanh do đáp ứng nhu cầu vận tải tăng.

c) Các sân bay quốc tế tập trung chủ yếu ở miền Nam do có nền kinh tế phát triển, công nghiệp hóa nhanh.

d) Do có tốc độ cao, có thể vượt mọi dạng địa hình nên vận tải hàng không đáp ứng nhu cầu vận tải của nước ta trong quá trình hội nhập.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Hiện trạng sử dụng một số loại đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, tính đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng
Đồng bằng sông Hồng	765,4	515,8	356,2
Đồng bằng sông Cửu Long	2569,1	295,1	258,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2024)

- a) Diện tích đất chuyên dùng của Đồng bằng sông Hồng gấp 1,2 lần Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.
- c) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sử dụng một số loại đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2023.
- d) Diện tích đất lâm nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình đồi núi, cao nguyên, nhiều đồng cỏ, khí hậu thích hợp cho phát triển chăn nuôi gia súc lớn. Trong những năm qua, nhiều đồng cỏ được cải tạo, trồng các giống cỏ năng suất cao tạo điều kiện cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. Trâu được nuôi nhiều ở Tuyên Quang, Điện Biên, Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai và Cao Bằng. Đàn bò (thịt và sữa) ngày càng tăng trong đó bò sữa được nuôi nhiều ở Mộc Châu (Sơn La).

- a) Chăn nuôi bò sữa ngày càng được phát triển do các đồng cỏ được cải tạo tốt, nhu cầu thị trường tăng.
- b) Trâu và Cừu là hai loại gia súc lớn chủ yếu của Trung du và miền núi phía Bắc.
- c) Việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn chủ yếu dựa trên cơ sở có nhiều đồng cỏ tự nhiên.
- d) Khó khăn về tự nhiên làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi trâu, bò của vùng là các thiên tai như rét đậm, rét hại, sương muối, hạn hán, đồng cỏ có chất lượng chưa cao.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: Triệu lượt người)

Năm	Khách quốc tế
2015	11,8
2017	13,7
2019	17,3
2024	59,6

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 số lượt khách du lịch quốc tế đến nước ta tăng bao nhiêu % so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2. Năm 2024, số dân của Đồng bằng sông Hồng là 24753,3 nghìn người, số dân thành thị là 9432,7 nghìn người. Hãy cho biết số dân nông thôn của Đồng bằng sông Hồng năm 2024 nhiều hơn số dân thành thị bao nhiêu nghìn người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Năm 2024, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 405,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 51,58% tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa nước ta. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Phần IV. Tự luận:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều tiềm năng phát triển **Thủy điện**. Hãy nêu các giải pháp để phát triển **Thủy điện** theo hướng bền vững?

----- Hết -----

SỞ GD&ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT DUY TÂN
ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026
Môn: Địa lí, Lớp: 12
(Đáp án gồm có 2 trang)

PHẦN I. (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	Mã đề			
	121	122	123	124
1	D	A	A	B
2	D	B	B	B
3	D	B	D	B
4	B	A	C	C
5	B	A	A	A
6	C	C	D	A
7	D	C	C	A
8	B	A	C	B
9	A	D	A	C
10	B	B	A	C
11	B	C	D	B
12	B	B	D	B
13	C	B	D	D
14	B	B	D	C
15	D	C	C	B
16	A	D	A	B
17	C	B	B	D
18	A	D	A	A

PHẦN II. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

- ☐ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
☐ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
☐ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
☐ Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Mã đề			
	121	122	123	124
1	a) S	a) Đ	a) Đ	a) Đ
	b) Đ	b) Đ	b) Đ	b) Đ
	c) S	c) Đ	c) Đ	c) Đ
	d) Đ	d) S	d) S	d) S
2	a) S	a) Đ	a) S	a) Đ
	b) Đ	b) S	b) Đ	b) S
	c) S	c) S	c) S	c) S
	d) S	d) S	d) Đ	d) Đ
3	a) Đ	a) Đ	a) S	a) Đ
	b) S	b) Đ	b) S	b) S
	c) Đ	c) S	c) S	c) S
	d) Đ	d) S	d) Đ	d) S

PHẦN III. (Mỗi câu trả lời Đúng học sinh được 0,5 Điểm)

Câu	Mã đề			
	121	122	123	124
1	405	5888	5888	405

2	5888	24,9	405	5888
3	24,9	405	24,9	24,9

Phần IV. Tự luận:

Câu	Nội dung	Điểm
	Phát triển thủy điện ở vùng Trung du miền núi phía bắc theo hướng phát triển bền vững cần: - Giải quyết hài hòa vấn đề khai thác sử dụng nguồn nước giữa thủy điện và thủy lợi. - Quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. - Khai thác hiệu quả vùng lòng hồ, phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch. - Bảo vệ rừng đầu nguồn,... <i>Mỗi ý đúng được 0,25 điểm</i>	1,0

----- **Hết** -----